

Mẫu số 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 261 -25/CV-TCO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Dịch vụ Biển Tân Cảng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Dịch vụ Biển Tân Cảng

- Mã chứng khoán: TOS
- Địa chỉ: Số 52 – 54 Trương Văn Bang, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ: (+84) 28 7300 6826 Fax: (+84) 28 3535 5423
- Email: info@tco.com.vn Website: <https://tancangoffshore.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025

thuộc); ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:



Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2025 tại đường dẫn: https://tancangoffshore.com/invester_cat/bao-cai-tai-chinh/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.



Tài liệu đính kèm:

- BCTCHN 6 tháng đầu năm 2025.

- VBGT số 262/2025/TOS-GT ngày 28/08/2025.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phùng Hưng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh và Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 13 ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty và thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 7300 6826
- Fax : 028 3535 5423

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Cung cấp tàu Dịch vụ dầu khí đa năng, tàu trục và tàu bảo vệ; Dịch vụ lai dắt, cứu hộ và cứu nạn; Dịch vụ Khảo sát ngầm; Dịch vụ Vận chuyển và Lắp đặt (T&I); Dịch vụ quản lý và khai thác cảng; Dịch vụ cung ứng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2025
	Ủy viên	Đến ngày 02 tháng 7 năm 2025
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2023
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2022
Ông Phạm Huy Vũ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2025
	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 02 tháng 7 năm 2025
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2025
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 06 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2024
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Phùng Hưng – Tổng Giám đốc (từ ngày 18 tháng 07 năm 2025) và Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc (đến ngày 17 tháng 07 năm 2025).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phùng Hưng

Ngày 26 tháng 8 năm 2025

Số: 2.0535/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.325.697.857.967	3.138.476.487.319
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	686.535.448.302	592.765.906.403
1. Tiền	111		246.109.585.670	489.815.906.403
2. Các khoản tương đương tiền	112		440.425.862.632	102.950.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		476.397.127.888	95.478.200.663
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	476.397.127.888	95.478.200.663
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.893.863.143.529	1.672.029.995.955
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.583.335.791.313	1.263.561.795.992
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	62.088.749.330	35.996.833.197
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	2.500.000	2.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	251.467.210.540	396.771.900.385
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(3.034.557.214)	(24.302.533.619)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.449.560	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.032.258.218.342	634.525.088.388
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.032.258.218.342	634.525.088.388
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		236.643.919.906	143.677.295.910
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	27.526.008.450	43.858.574.848
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		209.111.258.305	99.752.672.591
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		6.653.151	66.048.471
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.648.940.928.653	2.523.063.943.883
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.356.906.026	24.134.296.026
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	9.000.000.000	9.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	15.356.906.026	15.134.296.026
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.838.631.161.632	1.899.179.258.621
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.618.625.240.519	1.680.484.435.857
<i>Nguyên giá</i>	222		3.836.741.930.955	3.803.723.417.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.218.116.690.436)	(2.123.238.981.643)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	2.113.640.027	775.561.014
<i>Nguyên giá</i>	225		2.848.326.044	2.219.704.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(734.686.017)	(1.444.142.986)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	217.892.281.086	217.919.261.750
<i>Nguyên giá</i>	228		219.290.529.186	219.290.529.186
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.398.248.100)	(1.371.267.436)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		161.598.793.826	61.148.085.369
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	161.598.793.826	61.148.085.369
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		437.097.123.878	440.619.619.571
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	437.097.123.878	440.619.619.571
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		187.256.943.291	97.982.684.296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	144.598.250.477	93.245.233.242
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14a	40.769.499.384	2.722.311.395
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	1.889.193.430	2.015.139.659
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.974.638.786.620	5.661.540.431.202

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.948.631.036.551	4.136.877.684.394
I. Nợ ngắn hạn	310		3.857.413.551.222	3.030.164.141.552
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	666.188.772.246	526.260.764.013
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17a	1.564.921.406.260	1.485.878.870.168
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	162.347.569.241	98.467.914.842
4. Phải trả người lao động	314		30.899.813.622	35.454.046.655
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	98.747.493.968	58.824.881.240
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20a	169.917.010.296	99.841.808.012
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	156.624.342.881	143.734.640.539
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	973.772.155.503	520.423.015.315
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	26.789.921.346
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	33.994.987.205	34.488.279.422
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.091.217.485.329	1.106.713.542.842
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.17b	187.612.774.977	187.612.774.977
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18b	80.189.700.000	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	821.822.084.735	917.507.842.248
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14b	1.592.925.617	1.592.925.617
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

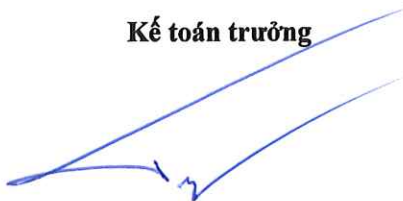
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.026.007.750.069	1.524.662.746.808
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	2.026.007.750.069	1.524.662.746.808
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		458.598.038.525	340.479.752.983
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.412.296.553	27.361.586.772
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		745.416.608.101	562.481.973.988
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		342.105.888.198	562.481.973.988
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		403.310.719.903	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		484.581.946.890	284.340.573.065
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.974.638.786.620	5.661.540.431.202

Người lập biểu



Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng



Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



 Nguyễn Phùng Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.195.261.672.881	1.225.956.188.728
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.538.148	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.195.253.134.733	1.225.956.188.728
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.628.339.418.647	954.932.131.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		566.913.716.086	271.024.056.946
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.140.548.164	11.475.543.165
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	70.080.114.371	60.528.397.977
Trong đó: chi phí lãi vay	23		56.995.638.601	56.009.486.583
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		16.753.677.512	11.265.545.496
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.616.177.487	9.506.809.125
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	86.079.742.132	68.849.314.561
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		436.031.907.772	154.880.623.944
12. Thu nhập khác	31	VI.7	101.678.862.458	590.174.805
13. Chi phí khác	32		150.938.511	755.185.764
14. Lợi nhuận khác	40		101.527.923.947	(165.010.959)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		537.559.831.719	154.715.612.985
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		138.129.375.439	27.388.628.031
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	(38.047.187.989)	(1.212.190.901)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		437.477.644.269	128.539.175.855
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		403.310.719.903	115.025.938.212
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.166.924.366	13.513.237.643
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	11.449	3.509
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	11.449	3.509

Người lập biểu

Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

Nguyễn Phùng Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		537.559.831.719	155.927.803.886
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	156.305.908.958	119.783.126.861
- Các khoản dự phòng	03		(26.789.921.346)	771.179.688
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.446.507.729	334.846.739
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(128.394.596.038)	(3.848.964.098)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	56.995.638.601	56.009.486.583
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		597.123.369.623	328.977.479.659
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(315.123.933.671)	(642.315.823.236)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(397.733.129.954)	(171.126.772.833)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		273.802.654.809	1.342.137.888.512
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(41.415.737.693)	998.739.782
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(66.242.424.271)	(64.867.209.351)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(91.831.993.647)	(37.339.641.265)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.23	1.100.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.554.975.526)	(11.259.639.045)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(51.975.070.330)	745.205.022.223
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(236.026.064.586)	(342.122.952.929)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		363.779.200.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(390.419.427.225)	(150.952.830.800)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.500.000.000	77.142.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		221.321.336	(114.692.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.137.930.746	449.795.726
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(214.807.039.729)	(530.176.488.003)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	1.333.199.838.508	514.464.105.906
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(975.293.752.091)	(384.818.474.059)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22	(242.703.742)	(168.686.202)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(29.759.830.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		357.663.382.675	99.717.115.145
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		90.881.272.616	314.745.649.365
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	592.765.906.403	547.850.692.923
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.888.269.283	39.007.821
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	686.535.448.302	862.635.350.109

Người lập biểu

Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phùng Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp tàu Dịch vụ dầu khí đa năng, tàu trục và tàu bảo vệ; Dịch vụ lai dắt, cứu hộ và cứu nạn; Dịch vụ Khảo sát ngầm; Dịch vụ Vận chuyển và Lắp đặt (T&I); Dịch vụ quản lý và khai thác cảng; Dịch vụ cung ứng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐQT thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện với vốn điều lệ 200.000.000.000 VND, trong đó Công ty góp 140.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty liên kết

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án góp thêm vốn để tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng (“TCI”). Theo đó, Công ty góp bổ sung đối với phần vốn các cổ đông khác không góp, để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại TCI lên 51% và TCI trở thành công ty con của Công ty. Sau khi hoàn thành việc góp vốn bổ sung, Công ty sở hữu 15.300.000 cổ phần, mệnh giá 153.000.000.000 VND, chiếm 51% vốn điều lệ của TCI.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh như sau:

	VND
Tài sản	301.061.505.890
Tiền và các khoản tương đương tiền	264.221.321.336
Phải thu về cho vay ngắn hạn	27.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	6.218.623.972
Chi phí trả trước ngắn hạn	25.000.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	214.955.607
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.381.604.975
Nợ phải trả	230.526.811
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	102.965.759
Phải trả người lao động	114.849.097
Chi phí phải trả ngắn hạn	12.711.955

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	VND
<i>Giá trị hợp lý của tài sản thuần</i>	300.830.979.079
<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (49%)</i>	147.407.179.749
<i>Giá trị hợp lý của tài sản thuần thuộc về Tập đoàn (51%) (a)</i>	153.423.799.330
<i>Giá phí hợp nhất kinh doanh (b) ⁽ⁱ⁾</i>	153.158.446.840
Lãi từ giao dịch mua rẻ [(b) – (a)]	265.352.490
(i) Giá phí hợp nhất kinh doanh qua 2 giai đoạn, được xác định như sau:	
Giá phí khoản đầu tư vào công ty liên kết (35%), đã được phản ánh theo giá trị hợp lý tại ngày nắm quyền kiểm soát	10.658.446.840
Giá phí khoản đầu tư bổ sung để tăng tỷ lệ sở hữu từ 35% lên 51%	142.500.000.000
Cộng	153.158.446.840

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con trực tiếp						
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng (“Tcots”)	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang (“TCKG”)	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Xã Kiên Lương, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc (“TCM”)	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng (“TCDG”)	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam) (“TCI”)	NQ 10-15, Nguyệt Quế 10, Khu đô thị Vinhomes Star City, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51,00%	35,00%	51,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện (“TCLH”)	Tòa nhà Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn, 808 đường Lê Hồng Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	87,50%	-	70,00%	-
Công ty con gián tiếp						
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái ^(*) (“Tcots Cát Lái”)	Số 25 Đường 4B Tổ 7 Khu phố 2, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	26,01%	28,42%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dương Anh ^(**) (“Dương Anh”)	Số 5A Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét sông ngòi, đường biển	51,00%	51,00%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Công ty con của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.
- (**) Công ty con của Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng.

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Tân Cảng và Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các Công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

5c. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiều Lương, xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	31%	31%	31%	31%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Tầng 3, số 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	45%	45%	45%	45%
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	36%	36%	36%	36%
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM, Việt Nam	43,79%	43,79%	43,79%	43,79%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh	20%	20%	20%	20%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 1.669 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.317 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trường Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trường Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra.

Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Chi phí bảo lãnh ngân hàng

Chi phí bảo lãnh được phân bổ vào chi phí theo thời hạn của thư bảo lãnh.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê đất.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định thuê tài chính của Tập đoàn là phương tiện vận tải, có thời gian khấu hao từ 5 - 6 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Kế toán giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định

Đối với giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định, chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản cố định được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Trường hợp bán và thuê lại tài sản cố định theo hình thức thuê hoạt động:

- Nếu giá bán thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản cố định: Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị hợp lý của tài sản cố định được ghi nhận vào chi phí trả trước và phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê tài sản.
- Nếu giá bán cao hơn giá trị hợp lý của tài sản cố định: Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị hợp lý của tài sản cố định được ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện và kết chuyển giảm chi phí thuê theo thời gian thuê tài sản.

15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được Tập đoàn chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.436.793.287	4.239.323.127
Tiền gửi ngân hàng	241.672.792.383	485.576.583.276
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) (*)	440.425.862.632	102.950.000.000
Cộng	686.535.448.302	592.765.906.403

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng, số tiền 182.956.232.495 VND (xem thuyết minh số V.22)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 – 12 tháng, lãi suất từ 2,9% đến 4,9%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Trong đó các khoản tiền gửi được đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng, số tiền: 78.711.758.025 VND (xem thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	121.249.370.000	5.456.573.643	126.705.943.643	121.249.370.000	9.617.726.365	130.867.096.365
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	22.275.000.000	5.987.977.325	28.262.977.325	22.275.000.000	3.935.339.332	26.210.339.332
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	-	-	-	10.500.000.000	158.446.840	10.658.446.840
Công ty TNHH Dịch vụ Ngầm Tân Cảng Mermaid	17.767.500.000	12.835.159.380	30.602.659.380	17.767.500.000	7.816.915.350	25.584.415.350
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	18.000.000.000	2.688.344.689	20.688.344.689	18.000.000.000	1.428.349.627	19.428.349.627
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	218.925.000.000	11.912.198.841	230.837.198.841	218.925.000.000	8.945.972.057	227.870.972.057
Cộng	400.216.870.000	36.880.253.878	437.097.123.878	410.716.870.000	29.902.749.571	440.619.619.571

Số lượng cổ phần/ phần góp vốn nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng CP/ Phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP/ Phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270 CP	31,00%	3.911.270 CP	31,00%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	200.000 CP	20,00%	200.000 CP	20,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry	2.025.000 CP	45,00%	2.025.000 CP	45,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Ngầm Tân Cảng Mermaid	17.767.500.000 VND	50,00%	17.767.500.000 VND	50,00%
Công ty Cổ phần Hỗ trợ Hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng	1.800.000 CP	36,00%	1.800.000 CP	36,00%
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	8.757.000 CP	43,79%	8.757.000 CP	43,79%

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Số đầu năm	Lãi trong kỳ	Phân loại thành công ty con	Công ty liên kết chia cổ tức	Số cuối kỳ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	130.867.096.365	5.456.573.643	-	(9.617.726.365)	126.705.943.643
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	26.210.339.332	2.052.637.993	-	-	28.262.977.325
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	10.658.446.840	-	(10.658.446.840)	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Ngầm Tân Cảng Mermaid	25.584.415.350	5.018.244.030	-	-	30.602.659.380
Công ty Cổ phần Hỗ trợ Hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng	19.428.349.627	1.259.995.062	-	-	20.688.344.689
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	227.870.972.057	2.966.226.784	-	-	230.837.198.841
Cộng	440.619.619.571	16.753.677.512	(10.658.446.840)	(9.617.726.365)	437.097.123.878

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết
Giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	90.226.037	619.923.502
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	46.497.882	22.686.222
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	12.386.443.815	24.112.880.000
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	325.310.594	92.206.480
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	16.216.919.427	-
Chi phí sử dụng dịch vụ và mua hàng hóa:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	22.234.188.108	18.702.906.102
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	14.258.991.485	-
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	1.547.793.683	-
Góp vốn vào:		
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	-	24.112.880.000
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	-	18.000.000.000
Cổ tức được chia từ:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	9.617.726.365	-
Lãi cho vay phải thu:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	401.671.233	707.178.083

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	114.596.925.502	47.369.878.863
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	35.455.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	1.154.935.670	815.630.807
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	7.947.511.920	8.006.003.712
Công ty Cổ phần Hỗ trợ Hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng	293.830.400	173.487.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	17.328.355.481	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	20.766.940.184	18.511.655.016
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	1.347.300.000	-
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	11.882.326.025	883.719.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	47.410.000	35.357.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	339.244.006	395.363.505
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	351.834.457	1.155.414.122
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	7.600.000	10.059.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	29.219.400

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	27.096.960.334	16.588.647.566
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	300.000.000	758.452.735
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	8.410.000	6.870.000
Công ty Cổ phần Tân cảng - Cái Mép	324.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	23.071.612.025	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	2.293.200.000	-
Phải thu các khách hàng khác	1.468.738.865.811	1.216.191.917.129
Quân chủng Hải quân	916.387.396.942	586.013.000.000
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	205.346.385.211	204.397.227.972
Aussie Offshore Services Limited	-	36.688.614.934
SC Management Co., Ltd	161.225.117.795	167.752.642.886
Các khách hàng khác	185.779.965.863	221.340.431.337
Cộng	1.583.335.791.313	1.263.561.795.992

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	530.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	-	530.000.000
Trả trước cho người bán khác	62.088.749.330	35.466.833.197
Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Thương mại Dịch vụ Phước Đước	6.314.314.384	9.870.399.994
Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ Cơ giới	8.556.000.000	-
Văn Quý Ngọc Hưng	7.320.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng điện	-	4.493.883.762
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng - Bộ Quốc phòng	2.400.000.000	2.400.000.000
Haridass Ho & Partners	-	7.218.157.500
Các nhà cung cấp khác	37.498.434.946	11.484.391.941
Cộng	62.088.749.330	35.996.833.197

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho vay ngắn hạn cán bộ, nhân viên công ty nhằm hỗ trợ gia đình người lao động có hoàn cảnh khó khăn. Khoản vay không lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry (Công ty liên kết) vay theo Hợp đồng ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Phụ lục ngày 17 tháng 03 năm 2025, thời hạn 60 tháng tính từ ngày nhận tiền vay đầu tiên (ngày 30/11/2022). Lãi suất vay cố định 9%/năm, tiền lãi trả định kỳ theo quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	166.871.749.154	-	143.367.158.666	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry - Lãi vay phải thu	2.655.369.865	-	2.253.698.632	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ - Cổ tức phải thu	9.617.726.365	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng (*)	151.784.844.319	-	135.184.844.319	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	2.813.808.605	-	5.928.615.715	-
- Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	1.820.358.557	-	4.820.358.557	-
- Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	993.450.048	-	1.108.257.158	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	84.595.461.386	-	253.404.741.719	-
Quân chủng Hải Quân - Phần thu hộ Xây dựng Công trình	15.500.000.000	-	111.345.000.000	-
Phải thu về tiền bồi thường TSCĐ bị chìm, chờ cơ quan bảo hiểm xử lý	28.118.592.593	-	28.118.592.593	-
Dự thu lãi tiền gửi	5.187.768.801	-	2.823.859.381	-
Ký cược, ký quỹ	7.747.845.306	-	99.870.549.866	-
Tạm ứng	23.778.017.907	-	8.536.343.778	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.263.236.779	-	2.710.396.101	-
Cộng	251.467.210.540	-	396.771.900.385	-

(*) Là các khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng theo các hợp đồng xây dựng công trình và phụ lục hợp đồng xây dựng giữa Quân chủng Hải Quân với liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng và Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	7.546.925.026	-	7.546.925.026	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh (i)	7.546.925.026	-	7.546.925.026	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	7.809.981.000	-	7.587.371.000	-
Ký cược, ký quỹ	7.809.981.000	-	7.537.371.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	50.000.000	-
Cộng	15.356.906.026	-	15.134.296.026	-

(i) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty Cổ phần Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 146.298.243.128 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 73.149.121.564 VND. Vốn góp được thu hồi dần hàng năm, thông qua khấu hao tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Jungwon Marine PTE LTD				> 3 năm	21.267.976.405	(21.267.976.405)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Long Phú Hải	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.341.062.049	(1.014.810.325)	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.341.062.049	(1.014.810.325)
Bệnh viện 30-4	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.087.820.000	(1.702.220.993)	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.087.820.000	(1.702.220.993)
Tổ chức, cá nhân khác	> 3 năm	317.525.896	(317.525.896)	> 3 năm	317.525.896	(317.525.896)
Cộng		3.746.407.945	(3.034.557.214)		25.014.384.350	(24.302.533.619)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	24.302.533.619	24.460.193.174
Trích lập dự phòng bổ sung	-	771.179.688
Sử dụng dự phòng để xóa nợ	(21.267.976.405)	(1.245.653.127)
Số cuối kỳ	3.034.557.214	23.985.719.735

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	104.857.318.997	102.937.778.161
Công cụ dụng cụ	482.381.514	34.570.924
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	925.025.049.160	528.997.453.099
Thành phẩm	107.620.235	77.238.242
Hàng hóa	1.785.848.436	2.478.047.962
Cộng	1.032.258.218.342	634.525.088.388

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	9.328.897.590	10.460.929.382
Chi phí sửa chữa tài sản	1.702.048.960	3.441.514.517
Chi phí công cụ dụng cụ	15.653.478.741	29.009.001.458
Các chi phí khác	841.583.159	947.129.491
Cộng	27.526.008.450	43.858.574.848

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.595.458.441	9.924.584.197
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu và tài sản khác	22.100.416.970	29.940.889.609
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	16.895.491.045	33.339.298.722
Phí bảo lãnh ngân hàng	8.905.910.402	18.245.597.648
Chi phí thuê đất (*)	84.741.280.000	-
Các chi phí khác	1.359.693.619	1.794.863.066
Cộng	144.598.250.477	93.245.233.242

(*) Đây là khoản tiền thuê cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng số 01/2025/LHF-TCLH ngày 22/4/2025 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp và Logistics Cảng nước sâu quốc tế Lạch Huyện để thuê lô đất KB1 tại thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, TP. Hải Phòng, mục đích xây dựng và vận hành Trung tâm Logistics tại Hải Phòng. Thời hạn thuê là 537 tháng, đến năm 2070 với tổng số tiền thuê 466.077.040.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	510.046.254.026	1.183.040.997.368	2.085.159.149.127	1.510.734.829	23.966.282.150	3.803.723.417.500
Mua trong kỳ	-	11.177.262.720	125.861.765.068	-	-	137.039.027.788
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	980.941.272	-	-	980.941.272
Bán tàu TC Royal (*) (Thuyết minh V.20)	-	-	(105.001.455.605)	-	-	(105.001.455.605)
Số cuối kỳ	510.046.254.026	1.194.218.260.088	2.107.000.399.862	1.510.734.829	23.966.282.150	3.836.741.930.955
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	417.303.300.055	601.702.716.848	13.031.932.938	1.219.738.965	1.228.220.255	1.034.485.909.061
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	431.858.226.836	1.035.168.971.734	652.059.948.265	1.344.069.457	2.807.765.351	2.123.238.981.643
Khấu hao trong kỳ	2.546.648.826	35.291.752.462	115.159.858.948	33.725.760	2.851.511.766	155.883.497.762
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	978.941.272	-	-	978.941.272
Bán tàu TC Royal (*) (Thuyết minh V.20)	-	-	(61.984.730.241)	-	-	(61.984.730.241)
Số cuối kỳ	434.404.875.662	1.070.460.724.196	706.214.018.244	1.377.795.217	5.659.277.117	2.218.116.690.436
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	78.188.027.190	147.872.025.634	1.433.099.200.862	166.665.372	21.158.516.799	1.680.484.435.857
Số cuối kỳ	75.641.378.364	123.757.535.892	1.400.786.381.618	132.939.612	18.307.005.033	1.618.625.240.519
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(*) Thực hiện Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 31/03/2025 của Hội đồng quản trị, Công ty mẹ đã bán tàu TC Royal cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu (bên liên quan). Mục đích để bổ sung vốn đầu tư mua/đóng mới 02 tàu PSV/AHTS đa dạng hoá đội tàu đáp ứng nhu cầu thị trường trong tương lai. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty mẹ đã thu được toàn bộ tiền bán tàu và gửi tại ngân hàng, chưa thực hiện đầu tư.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.313.402.672.372 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải truyền dẫn.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.219.704.000	1.444.142.986	775.561.014
Thuê tài chính trong kỳ	1.607.563.316	-	1.607.563.316
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(978.941.272)	(978.941.272)	-
Khấu hao trong kỳ	-	269.484.303	(269.484.303)
Số cuối kỳ	<u>2.848.326.044</u>	<u>734.686.017</u>	<u>2.113.640.027</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

- - -

- - -

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	217.814.485.186	1.476.044.000	219.290.529.186
Số cuối kỳ	<u>217.814.485.186</u>	<u>1.476.044.000</u>	<u>219.290.529.186</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1.296.515.000	1.296.515.000
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.371.267.436	1.371.267.436
Khấu hao trong kỳ	-	26.980.664	26.980.664
Số cuối kỳ	-	<u>1.398.248.100</u>	<u>1.398.248.100</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	217.814.485.186	219.011.547	218.033.496.733
Số cuối kỳ	<u>217.814.485.186</u>	<u>104.776.564</u>	<u>217.919.261.750</u>

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 217.814.485.186 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Mua sắm tài sản cố định (*)	Xây dựng cơ bản dở dang	Sửa chữa lớn tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	55.683.267.226	5.464.818.143	-	61.148.085.369
Chi phí phát sinh trong kỳ	214.631.666.591	-	8.607.571.959	223.239.238.550
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	3.381.604.975	-	3.381.604.975
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	(125.861.765.068)	-	-	(125.861.765.068)
Kết chuyển giảm khác	-	(308.370.000)	-	(308.370.000)
Số cuối kỳ	<u>144.453.168.749</u>	<u>8.538.053.118</u>	<u>8.607.571.959</u>	<u>161.598.793.826</u>

(*) Các dự án mua sắm tài sản cố định mà Tập đoàn đã và đang đầu tư bao gồm:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Thiết bị ROV 150HP	53.996.778.654	-	-	53.996.778.654
Sà lan Tân Cảng 375	144.788.572	88.769.901.523	-	88.914.690.095
Tàu Tân cảng 63 (TC Diamond)	-	123.459.255.977	(123.459.255.977)	-
Các dự án khác	1.541.700.000	2.402.509.091	(2.402.509.091)	1.541.700.000
Cộng	<u>55.683.267.226</u>	<u>214.631.666.591</u>	<u>(125.861.765.068)</u>	<u>144.453.168.749</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan doanh thu chưa thực hiện từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định	2.722.311.395	625.327.989	3.347.639.384
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do hợp nhất báo cáo	-	37.421.860.000	37.421.860.000
Cộng	2.722.311.395	38.047.187.989	40.769.499.384

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Là thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do hợp nhất báo cáo.

15. Lợi thế thương mại

Tập đoàn chỉ phát sinh lợi thế thương mại đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dương Anh, chi tiết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.015.139.659	2.267.032.117
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(125.946.229)	(125.946.229)
Số cuối kỳ	1.889.193.430	2.141.085.888

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	141.066.599.440	66.833.123.013
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	541.876.426	2.068.823.935
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	11.486.973.951	5.482.119.047
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	5.356.800.000	4.483.100.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng.	30.618.960.120	-
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	14.705.904.844	10.023.265.740
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	235.564.170	287.317.532
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	31.235.049	49.986.766
Công ty Cổ phần Tân Cảng 189 Hải Phòng	24.292.053	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	5.773.226.400	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ Hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng	10.977.531.402	5.752.002.414
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	14.785.238.246	7.475.546.087
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	1.579.844.518	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	28.886.638.694	16.588.739.675
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	16.062.513.567	14.622.221.817
Phải trả các nhà cung cấp khác	525.122.172.806	459.427.641.000
Genmarca Shipping Limited	-	47.758.813.388
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải & Thương mại Nam Việt	-	53.687.550.582
Aussie Offshore Services Limited	96.402.464.322	62.703.469.877
Công ty TNHH Vận tải Quang Hải	61.084.333.659	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu và Vận tải Khôi Nguyên	45.417.185.986	-
Các nhà cung cấp khác	322.218.188.839	295.277.807.153
Cộng	666.188.772.246	526.260.764.013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Người mua trả tiền trước

17a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	17.299.989.000	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	17.299.989.000	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.547.621.417.260	1.485.878.870.168
Quản chung Hải quân	1.416.610.342.881	1.402.403.180.741
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thy	8.923.233.200	8.923.233.200
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	86.201.000.000	69.620.000.000
Mermaid Subsea Service (Thailand) Ltd	1.992.655.517	4.546.199.517
Rosemary Overseas Ltd	22.188.668.464	-
Zed Group Trading Co.,Ltd	7.757.297.600	-
Các khách hàng khác	3.948.219.598	386.256.710
Cộng	1.564.921.406.260	1.485.878.870.168

17b. Người mua trả tiền trước dài hạn

Là khoản trả trước dài hạn hợp đồng xây dựng của Quân chủng Hải quân tại Công ty Cổ phần Trục vót Nạo vét Tân Cảng.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

		Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
		Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
				Tăng do hợp nhất kinh doanh			
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.785.209.500	-	-	24.120.431.717	(6.424.680.065)	20.480.961.152	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	26.162.398.911	(26.162.398.911)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	8.093.985.371	(8.093.985.371)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.922.919.389	49.604.063	-	138.129.375.439	(91.831.993.647)	137.265.439.703	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.720.483.186	15.386.696	-	12.191.139.354	(11.927.741.582)	1.983.312.875	6.595.439
Thuế nhà thầu	3.024.198.054	-	-	1.798.699.344	(2.225.462.448)	2.597.434.950	-
Tiền thuế đất	-	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Các loại thuế khác	15.104.713	-	-	146.612.680	(141.296.832)	20.420.561	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.057.712	-	12.584.100	(11.584.100)	-	57.712
Cộng	98.467.914.842	66.048.471	-	210.658.226.916	(146.822.142.956)	162.347.569.241	6.653.151

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế 0%
- Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ 5%
- Hàng hóa, dịch vụ còn lại 8 - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty mẹ phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (từ năm 2014 đến năm 2028).

Các Công ty con trong Tập đoàn phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>11.801.905.072</i>	<i>8.940.632.000</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	8.940.632.000	8.940.632.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi phí thuê văn phòng	6.954.545	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu - Chi phí thuê tàu	2.724.750.000	-
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa - Phí cầu cảng	129.568.527	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>86.945.588.896</i>	<i>49.884.249.240</i>
Lãi vay phải trả	10.376.210.342	19.622.996.012
Chi phí thuê tàu phải trả	47.530.657.666	1.231.000.000
Chi phí nhiên liệu phải trả	14.767.287.268	10.660.924.443
Chi phí thuê thuyền viên nước ngoài	7.211.509.880	8.790.821.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.493.827.846	5.898.843.372
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	566.095.894	3.679.663.863
Cộng	<u>98.747.493.968</u>	<u>58.824.881.240</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Doanh thu chưa thực hiện

20a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan	49.680.611.293	99.361.222.597
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Dịch vụ cho thuê cầu	49.680.611.293	99.361.222.597
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	120.236.399.003	480.585.415
Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định (*)	106.919.600.000	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	13.316.799.003	480.585.415
Cộng	169.917.010.296	99.841.808.012

(*) Trong kỳ, Công ty đã bán tàu TC Royal cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu (bên liên quan) với giá bán chưa thuế GTGT là 363.779.200.000 VND. Đồng thời, Công ty cũng ký hợp đồng ngày 31/03/2025 về việc thuê lại tàu Royal từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu, với thời gian thuê 24 tháng cộng thêm 12 tháng mở rộng (nếu có), tính từ ngày vận chuyển (ngày 31/3/2025).

Tại thời điểm chuyển nhượng, tàu TC Royal có giá trị ghi sổ 43.016.725.364 VND; giá trị hợp lý 149.940.000.000 VND (được xác định dựa trên kết quả Chứng thư thẩm định giá ngày 20/03/2025 của Công ty Cổ phần Thẩm định và Đầu tư tài chính Hoa Sen- Chi nhánh Miền Nam). Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản đã được ghi nhận vào thu nhập khác, số tiền 106.923.274.636 VND (Thuyết minh VI.7).

Chênh lệch giữa giá bán và giá trị hợp lý của tài sản đã được ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện, số tiền 213.839.200.000 VND, và được phân bổ để ghi giảm chi phí thuê theo thời hạn thuê (24 tháng).

20b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là doanh thu chưa thực hiện dài hạn liên quan đến hoạt động chuyển nhượng tàu Royal và thuê lại tài sản hoạt động (xem thuyết minh V.17a).

21. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	72.282.044.355	134.452.947.707
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	57.669.621.100	24.448.885.746
- Cổ tức phải trả	57.614.580.581	24.134.583.581
- Phải trả khác	55.040.519	314.302.165
Kinh phí hoạt động Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	1.306.452
Công ty Cổ phần Hỗ trợ Hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng - phần thu hộ	454.667.746	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng – Tiền thu hộ	14.157.755.509	110.002.755.509
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	84.342.298.526	9.281.692.832
Tài sản thừa chờ giải quyết	33.475.000	33.475.000
Kinh phí công đoàn	1.483.064.020	1.345.202.264
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.615.978.027	439.236.240
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.244.808.300	2.244.808.300

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	59.519.661.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Năng lượng biển (“OEI”) - Góp vốn đầu tư TSCĐ (*)	14.093.750.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.351.562.179	5.218.971.028
Cộng	156.624.342.881	143.734.640.539

(*) Là khoản nhận ủy thác để thực hiện dự án “Đầu tư sà lan biển không tự hành – sà lan biển Hao Yi 11” theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2024/HĐUT/TCO ngày 12 tháng 12 năm 2024. Tổng giá trị dự án đầu tư tạm tính là 80.187.500.000 VND, trong đó Công ty và OEI mỗi bên góp 17,5% tổng giá trị dự án, dự kiến là 14.093.750.000 VND, phần còn lại sẽ được huy động từ vốn vay. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

22. Vay và nợ thuê tài chính

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng ⁽¹⁾</i>	<i>705.423.653.877</i>	<i>281.264.846.531</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	46.778.459.322	52.407.970.176
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	14.549.718.988	52.771.913.785
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	2.766.896.931	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Đa	76.638.005.166	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	304.256.052.067	148.194.448.061
Ngân hàng TMCP Hàng hải - Chi nhánh Đô Thành	179.357.732.533	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	81.076.788.870	27.890.514.509
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)</i>	<i>267.684.153.718</i>	<i>237.915.796.416</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	10.591.785.358	10.591.737.656
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	14.284.257.680	14.284.257.680
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	70.454.414.548	62.514.881.748
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	98.761.634.900	76.486.634.900
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	48.483.137.632	48.929.360.832
Ngân hàng TMCP Hàng hải - Chi nhánh Đô Thành	25.108.923.600	25.108.923.600
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<i>200.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)</i>	<i>464.347.908</i>	<i>242.372.368</i>
Cộng	973.772.155.503	520.423.015.315

⁽¹⁾ Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng, thời hạn từ 4 đến 12 tháng, để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Hạn mức	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Hợp đồng ngày 09/7/2024	100 tỷ VND	4,8%-5,4%	Tài khoản tiền gửi tại cùng ngân hàng; 02 cầu RTG 6+1 và 01 cầu Kocks 73013; Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng cung cấp dịch vụ
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	Hợp đồng ngày 08/08/2024	80 tỷ VND	5,57%	02 cầu Container KOCKS và Tàu TC Royal

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hợp đồng vay</i>	<i>Hạn mức</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hợp đồng ngày 06/05/2025	50 tỷ VND	4,8%	02 cầu bờ Container hiệu Kocks
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	Hợp đồng ngày 14/08/2024	40 tỷ VND	4,6%	Tài sản cố định tàu TC86
	Hợp đồng ngày 20/12/2024	200 tỷ VND	4,6%	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	Hợp đồng ngày 06/06/2025	1.550 tỷ VND	5%-5,5%	Hàng hóa, quyền đòi nợ, tài sản hình thành từ hợp đồng thi công xây dựng công trình
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	Hợp đồng ngày 25/2/2025	356 tỷ VND	5%	Hàng hóa, quyền đòi nợ, tài sản hình thành từ hợp đồng thi công xây dựng công trình
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Hợp đồng ngày 11/12/2024	50 tỷ VND	4,5%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
	Hợp đồng ngày 10/02/2025	2,55 triệu USD	2%	Các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Shinhanbank với giá trị 3 triệu USD
	Hợp đồng ngày 05/09/2024	20 tỷ VND	4%	Tiền gửi có kỳ hạn của TCM tại Ngân hàng với giá trị tối thiểu bằng 25% dư nợ tại ngân hàng tại mọi thời điểm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn Ngân hàng	281.264.846.531	1.106.646.881.029	-	(682.488.073.683)	705.423.653.877
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.000.000.000	-	-	(800.000.000)	200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	237.915.796.416	-	156.475.780.310	(126.707.423.008)	267.684.153.718
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	242.372.368	-	358.995.042	(137.019.502)	464.347.908
Cộng	520.423.015.315	1.106.646.881.029	156.834.775.352	(810.132.516.193)	973.772.155.503

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	1.000.000.000	36.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	681.597.141.667	678.086.430.807
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	71.833.035.718	77.128.952.248
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	12.102.429.779	19.244.558.619
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	173.628.489.870	158.875.172.744
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	210.873.311.120	171.058.846.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Đô Thành	51.632.421.052	64.186.882.852
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	161.527.454.128	187.592.018.344
Vay dài hạn các cá nhân khác	138.000.000.000	203.000.000.000
Nợ thuê tài chính	1.224.943.068	421.411.441
Cộng	821.822.084.735	917.507.842.248
Trong đó		
Công ty mẹ vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	39.800.000.000	159.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Các công ty con vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99.200.000.000	79.200.000.000
(i)	Các khoản vay dài hạn ngân hàng để đầu tư tài sản cố định, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Chi tiết như sau:		
Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất/năm
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú			
Hợp đồng ngày 22/08/2024	Mua Quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất (Khách sạn Hanoi Golden Hotel)/Hạn mức: 85.197.321.430 VND	12 năm	7,5%
Hợp đồng ngày 05/09/2016	Đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần/Hạn mức: 56.000.000.000 VND	10 năm	6,8%-6,95%
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam			
Hợp đồng ngày 26/04/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin/ Hạn mức vay: 65.000.000.000 VND	05 năm	7,0%
Hợp đồng ngày 14/07/2021	Đầu tư tàu đa năng TC Vigour. Hạn mức vay: 30.054.240.000 VND	54 tháng	6,8%
Hợp đồng ngày 08/11/2021	Đầu tư tàu 650/ Hạn mức vay: 129.920.000.000 VND	07 năm	7,29%
Hợp đồng ngày 22/04/2022	Thanh toán mua tàu lai dắt ASD 2813. Hạn mức vay: 108.844.000.000 VND	84 tháng	7,29%
Hợp đồng ngày 04/07/2023	Đầu tư tòa nhà văn phòng 52 Trương Văn Bang/ Hạn mức vay: 77.000.000.000 VND	07 năm	6,68%
Hợp đồng ngày 17/01/2025	Đầu tư sà lan biển không tự hành TC 375/Hạn mức vay: 52.000.000.000 VND	05 năm	6,68%
Hợp đồng ngày 09/05/2025	Mua thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu	60 tháng	6,2%
Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu			
Hợp đồng ngày 04/05/2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	7,3%
Hợp đồng ngày 20/09/2023	Đầu tư mua tàu TC Saturn	05 năm	7,5%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa			
Hợp đồng ngày 12/06/2018	Đầu tư 02 cầu Mitsui	106 tháng	7,2%
Hợp đồng ngày 15/06/2022	Đầu tư 01 tàu TC Venus	60 tháng	7,6%
Hợp đồng ngày 25/08/2022	Đầu tư tàu lai dắt ASD 2811	84 tháng	7,5%
Hợp đồng ngày 23/12/2024	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	6,5%
Hợp đồng ngày 09/01/2025	Thanh toán bù đắp chi phí mua máy móc thiết bị	48 tháng	6,5%
Hợp đồng ngày 24/3/2025	Đầu tư 01 tàu Diamond XXIV	60 tháng	6,5%
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành			
Hợp đồng ngày 30/12/2022	Mua Tàu hút xén thoi (Dredger) TCDG CSD02	84 tháng	8,5%
Hợp đồng ngày 28/11/2023	Mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%
Hợp đồng ngày 6/2/2024	Mua sà lan	48 tháng	8,5%
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2			
Hợp đồng ngày 19/5/2022	Mua sà lan và cần trục bán xích	60 tháng	8%
Hợp đồng ngày 17/05/2022	Mua xe ô tô Toyota Fortuner	60 tháng	8%
Hợp đồng ngày 06/7/2023	Mua tàu kéo Tolak 11 và tàu nạo vét Bestla	90 tháng	8,5%
Hợp đồng ngày 27/3/2024	Đầu tư trang thiết bị phục vụ thi công các dự án năm 2023-2024 và những năm tiếp theo	60 tháng	8,5%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Hợp đồng vay</i>	<i>Mục đích vay/Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>
Hợp đồng ngày 7/10/2024	Thanh toán bù đắp tiền mua 4 xe trộn bê tông	59 tháng	8,5%
<i>Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh</i>			
Hợp đồng ngày 20/2/2019	02 chiếc xe ô tô tải KIA nhãn hiệu Thaco Frontier K200-ĐL	72 tháng	6,7%
Hợp đồng ngày 29/11/2022	01 xe ô tô Toyota Fortuner 2.7G 4x2 AT	60 tháng	7,2%
Hợp đồng ngày 25/12/2024	xe ô tô KIA New Carnival 2.2D	60 tháng	7,2%

- (ii) Công ty mẹ vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV, đầu tư vào dự án Cầu Kocks (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm và 8 năm). Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư tàu TC 89 và phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	8.000.000.000	128.000.000.000
Bên liên quan	-	35.000.000.000
Các cá nhân khác	8.000.000.000	93.000.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Cán bộ nhân viên Công ty	200.000.000	200.000.000
Các cá nhân khác	30.600.000.000	30.600.000.000
Cộng	39.800.000.000	159.800.000.000

- (iii) Các công ty con vay dài hạn cá nhân, không có tài sản đảm bảo, bao gồm:

<i>Công ty</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch Biển Tân Cảng	bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh/Hạn mức: 30.000.000.000 VND	48 tháng và được gia hạn qua các năm	9%
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	36 – 60 tháng	9%-10%

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn bên liên quan	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	949.281.295.385	267.684.153.718	670.357.082.091	11.240.059.576
Vay dài hạn tổ chức, cá nhân khác	138.000.000.000	-	138.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính	1.689.290.976	464.347.908	1.224.943.068	-
Cộng	1.089.970.586.361	268.148.501.626	810.582.025.159	11.240.059.576
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	916.002.227.223	237.915.796.416	595.519.933.061	82.566.497.746
Vay dài hạn tổ chức, cá nhân khác	203.000.000.000	-	203.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính	663.783.809	242.372.368	421.411.441	-
Cộng	1.155.666.011.032	238.158.168.784	834.941.344.502	82.566.497.746

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn các bên liên quan	36.000.000.000	-	-	(35.000.000.000)	1.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	678.086.430.807	167.284.746.570	(156.475.780.310)	(7.298.255.400)	681.597.141.667
Vay dài hạn các cá nhân	203.000.000.000	58.000.000.000	-	(123.000.000.000)	138.000.000.000
Nợ thuê tài chính	421.411.441	1.268.210.909	(358.995.042)	(105.684.240)	1.224.943.068
Cộng	917.507.842.248	226.552.957.479	(156.834.775.352)	(165.403.939.640)	821.822.084.735

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	33.038.028.998	1.450.250.424	34.488.279.422
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.058.279.125	7.752.304.184	9.810.583.309
Tăng khác	1.100.000	-	1.100.000
Chi quỹ trong kỳ	(2.593.864.415)	(7.711.111.111)	(10.304.975.526)
Số cuối kỳ	32.503.543.708	1.491.443.497	33.994.987.205

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	111.599.990.000	111.599.990.000
Các cổ đông khác	198.398.870.000	198.398.870.000
Cộng	309.998.860.000	309.998.860.000

24b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.999.886	30.999.886

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIẾN TẦN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24c. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Kỳ trước						
Số dư đầu năm trước	309.998.860.000	293.738.095.120	27.231.484.678	252.641.389.090	257.479.071.338	1.141.088.900.226
Góp vốn bằng tiền trong kỳ	-	-	-	-	368.163.308	368.163.308
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	115.025.938.212	13.513.237.643	128.539.175.855
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	46.741.657.863	265.102.094	(51.226.524.505)	(1.094.080.073)	(5.313.844.621)
Trích kinh phí HĐQT, BKS tại Công ty con	-	-	-	(220.449.395)	(211.804.320)	(432.253.715)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(46.499.829.000)	(407.383.600)	(46.907.212.600)
Sử dụng quỹ khác tại Công ty con	-	-	(135.000.000)	-	(115.000.000)	(250.000.000)
Ảnh hưởng do thay đổi tỉ lệ lợi ích	-	-	-	(73.386.183)	73.386.183	-
Số dư cuối kỳ trước	309.998.860.000	340.479.752.983	27.361.586.772	269.647.138.219	269.605.590.479	1.217.092.928.453
Kỳ này						
Số dư đầu năm nay	309.998.860.000	340.479.752.983	27.361.586.772	562.481.973.988	284.340.573.065	1.524.662.746.808
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	167.407.179.749	167.407.179.749
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước tại Công ty mẹ	-	116.284.562.763	-	(124.036.866.947)	-	(7.752.304.184)
Phân phối lợi nhuận năm trước tại Công ty con	-	1.833.722.779	185.709.781	(3.094.947.940)	(982.763.745)	(2.058.279.125)
Trích kinh phí HĐQT, BKS tại Công ty con	-	-	-	(244.496.370)	(234.908.278)	(479.404.648)
Chia cổ tức bằng tiền tại Công ty mẹ	-	-	-	(92.999.658.000)	-	(92.999.658.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	403.310.719.903	34.166.924.366	437.477.644.269
Sử dụng quỹ khác tại Công ty con	-	-	(135.000.000)	-	(115.000.000)	(250.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(116.533)	(58.267)	(174.800)
Số dư cuối kỳ này	309.998.860.000	458.598.038.525	27.412.296.553	745.416.608.101	484.581.946.890	2.026.007.750.069

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025:

Phân phối lợi nhuận năm 2024

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 92.999.658.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	: 116.284.562.763
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	: 7.752.304.184

Các Công ty con (bao gồm Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng, Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc) đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025 của từng đơn vị.

24e. Kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông Công ty thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 14.000.114 cổ phiếu, mệnh giá 140.001.140.000 VND, thời gian thực hiện trong năm 2025. Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành việc phát hành là 450.000.000.000 VND.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

25a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	6.951.515,04	6.661.206,79
Euro (EUR)	50,00	50,00
Bath Thái (THB)	3.114.272,41	80.769,79

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	1.245.653.127	1.245.653.127
Jungwon Maritime Pte. Ltd (*)	21.267.976.405	-

(*) Khoản nợ phải thu khách hàng đã được Công ty mẹ trích lập dự phòng từ năm 2020 và đã được xử lý xóa nợ theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/BBH-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2025.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	92.436.312.632	92.735.142.026
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	79.212.016.438	94.189.907.252
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	1.214.998.673.410	699.160.041.734
Doanh thu xây lắp	787.227.987.303	302.710.232.358
Doanh thu tư hợp tác kinh doanh	6.605.532.412	6.606.900.817
Doanh thu dịch vụ khác	14.781.150.686	30.553.964.541
Cộng	2.195.261.672.881	1.225.956.188.728

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	47.407.927.109	64.138.856.932
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	32.221.145.049	75.859.446.664
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	842.043.051.473	526.149.566.706
Giá vốn xây lắp	687.294.736.669	262.851.837.991
Giá vốn từ hợp tác kinh doanh	4.185.608.818	3.900.029.344
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	15.186.949.529	22.032.394.145
Cộng	1.628.339.418.647	954.932.131.782

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	11.137.930.746	3.848.964.098
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.962.968.204	7.604.782.216
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.806.214	
Chiết khấu thanh toán	30.843.000	21.796.851
Cộng	18.140.548.164	11.475.543.165

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	56.995.638.601	56.009.486.583
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.278.169.517	205.265.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.455.313.943	334.846.739
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	9.820.952.684	3.961.990.508
Chi phí tài chính khác	530.039.626	16.809.112
Cộng	70.080.114.371	60.528.397.977

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.120.779.159	5.110.698.531
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	681.436.708	452.068.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.500.006	3.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.155.447.459	3.222.417.524
Các chi phí khác	615.014.155	717.874.136
Cộng	9.616.177.487	9.506.809.125

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	46.839.238.168	36.509.157.075
Chi phí vật liệu quản lý	1.455.923.352	690.231.554
Chi phí đồ dùng văn phòng	786.666.848	1.192.823.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.443.112.417	2.020.898.442
Thuế, phí và lệ phí	98.086.168	96.851.963
Chi phí dự phòng	-	771.179.688
Chi phí lợi thế thương mại	125.946.229	125.946.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.105.495.437	17.085.923.047
Các chi phí khác	15.225.273.513	10.356.303.249
Cộng	86.079.742.132	68.849.314.561

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tàu TC Royal (thuyết minh V.20a)	100.502.987.780	
- <i>Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản</i>	106.923.274.636	-
- <i>Chi phí thanh lý tài sản</i>	(6.420.286.856)	-
Thu nhập từ bán đầu tồn tại tàu thuê	-	243.001.725
Thu tiền bồi thường	384.425.936	318.813.018
Xử lý vật tư thừa do kiểm kê	17.051.738	5.070.928
Lãi từ giao dịch mua rẻ (xem thuyết minh I.5a)	265.352.490	-
Thu nhập khác	509.044.514	23.289.134
Cộng	101.678.862.458	590.174.805

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	403.310.719.903	115.025.938.212
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, kinh phí hoạt động của Ban điều hành (*)	(48.397.286.388)	(6.237.028.139)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	354.913.433.515	108.788.910.073
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	30.999.886	30.999.886
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.449	3.509

(*) Số trích quỹ được ước tính theo tỷ lệ trích quỹ được quy định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty mẹ và các công ty con.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	449.952.335.324	247.434.695.055
Chi phí nhân công	231.166.861.642	198.413.846.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại	156.305.908.958	119.783.126.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	798.062.015.143	491.515.723.758
Chi phí khác	432.062.197.733	38.624.739.831
Cộng	2.067.549.318.800	1.095.772.131.751

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ nào khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch HĐQT (đến 25/6/2025)	-	-	-
Lê Đăng Phúc	Chủ tịch HĐQT (từ 02/7/2025) Thành viên HĐQT / TGD (đến 02/07/2025)	771.462.000	138.250.000	909.712.000
Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-
Trần Quang Thảo	Thành viên HĐQT (từ 25/6/2025)	-	-	-
Phạm Đức Duy	Trưởng BKS	297.900.000	58.450.000	356.350.000
Vũ Thị Hải Yến	Thành viên BKS	-	-	-
Nguyễn Phùng Hưng	Tổng Giám đốc (từ 02/7/2025) Phó Tổng Giám đốc (đến 02/7/2025)	354.000.000	67.000.000	421.000.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	456.600.000	84.100.000	540.700.000
Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	355.436.000	67.000.000	422.436.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	349.200.000	67.000.000	416.200.000
Cộng		2.584.598.000	481.800.000	3.066.398.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Cộng thu nhập
Kỳ trước				
Võ Đức Thiệu	Chủ tịch HĐQT	-	-	-
Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT / Tổng Giám đốc	676.850.000	129.250.000	806.100.000
Phạm Đức Duy	Trưởng BKS	276.300.000	55.050.000	331.350.000
Vũ Thị Hải Yến	Thành viên BKS	-	-	-
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến 01/04/2024)	188.850.000	10.000.000	198.850.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	399.550.000	78.900.000	478.450.000
Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	328.000.000	63.000.000	391.000.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	324.000.000	63.000.000	387.000.000
Cộng		2.193.550.000	399.200.000	2.592.750.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("SNP")	Cổ đông lớn (sở hữu 36% vốn điều lệ)
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch – Giải trí Saigon Today	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ ngâm Tân Cảng Mermaid	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Petro Cam Ranh	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	Công ty thuộc Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty thuộc Tập đoàn SNP

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản cho các đơn vị:	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	16.089.496.753	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	232.839.890	221.107.675
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	2.362.875.461	1.855.638.779

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	1.247.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	3.440.778	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Tân Cảng	5.683.482	-
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	30.922.043.073	30.791.605.503
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	-	316.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	37.267.037	9.970.445
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	133.606.112	231.877.704
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	50.313.134.352	55.249.807.377
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	4.223.333.332	-
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	7.544.163.801	804.584.074
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	11.140.076.611	4.779.151.486
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	28.350.889.000	270.499.350
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	8.384.310.097	4.052.456.400
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	-	1.024.129.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	4.960.000.000	5.580.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	20.484.932	-
Công ty CP Đầu Tư và Quản Lý Tài Sản Á Châu	46.873.903.084	-
Công ty Cổ phần Hàng Hải Á Châu	39.432.047.156	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	10.170.765.897	-
Chia cổ tức cho:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	33.479.997.000	-
Bán tài sản và thuê lại tài sản hoạt động:		
Bán tài sản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	363.779.200.000	-
Chi phí thuê lại tài sản hoạt động từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	23.468.466.820	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.16, V.19, V.20, V.21 và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ ngoài khơi.
- Lĩnh vực xây lắp.
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Dịch vụ ngoài khơi	Lĩnh vực xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.214.998.673.410	787.227.987.303	193.026.474.020	2.195.253.134.733
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.214.998.673.410	787.227.987.303	193.026.474.020	2.195.253.134.733
Giá vốn hàng bán	(842.043.051.473)	(687.294.736.669)	(99.001.630.505)	(1.628.339.418.647)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	372.955.621.937	99.933.250.634	94.024.843.515	566.913.716.086
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(95.695.919.619)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				471.217.796.467
Doanh thu hoạt động tài chính				18.140.548.164
Chi phí tài chính				(70.080.114.371)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				16.753.677.512
Thu nhập khác				101.678.862.458
Chi phí khác				(150.938.511)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(138.129.375.439)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				38.047.187.989
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				437.477.644.269
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	699.160.041.734	302.710.232.358	224.085.914.636	1.225.956.188.728
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	699.160.041.734	302.710.232.358	224.085.914.636	1.225.956.188.728
Giá vốn hàng bán	(526.149.566.706)	(262.851.837.991)	(165.930.727.085)	(954.932.131.782)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.225.309.608.440	565.562.070.349	390.016.641.721	271.024.056.946
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(78.356.123.686)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				192.667.933.260
Doanh thu hoạt động tài chính				11.475.543.165
Chi phí tài chính				(60.528.397.977)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				11.265.545.496
Thu nhập khác				590.174.805
Chi phí khác				(755.185.764)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(27.388.628.031)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				1.212.190.901
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				128.539.175.855

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Lĩnh vực xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.158.010.229.254	3.116.061.565.462	1.278.293.046.452	6.552.364.841.168
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				437.097.123.878
Tổng tài sản				6.989.461.965.046
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.484.950.751.915	2.900.657.058.785	391.890.586.097	4.777.498.396.797
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				185.955.818.180
Tổng nợ phải trả				4.963.454.214.977
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.583.175.465.116	2.647.604.127.639	990.141.218.876	5.220.920.811.631
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				440.619.619.571
Tổng tài sản				5.661.540.431.202
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	938.883.352.217	2.529.373.985.866	535.664.152.047	4.003.921.490.130
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				132.956.194.264
Tổng nợ phải trả				4.136.877.684.394

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 26 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu



Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng



Vũ Quang Tiến

Tổng Giám đốc




Nguyễn Phùng Hưng

